

# Đánh giá thực trạng môn học tự chọn Điền kinh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

ThS. Lê Trọng Động, TS. Đặng Đức Hoàn ■

## TÓM TẮT:

Thông qua sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu và phỏng vấn để tìm hiểu các nguyên nhân, động cơ tham gia môn học tự chọn điền kinh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam (HVNN Việt Nam). Nghiên cứu dựa trên việc đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia môn học tự chọn trong học phần giáo dục thể chất (GDTC) như: Cơ sở vật chất, các đánh giá từ SV đã tham gia môn học, giảng viên (GV)... Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môn học tự chọn điền kinh trong học phần GDTC tại HVNN Việt Nam.

**Từ khóa:** Môn học tự chọn, điền kinh, giáo dục thể chất, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

## ABSTRACT:

Through using the method of synthesizing documents and interviews to find out the reasons and motivations to participate in the self selected subject at the Vietnam Agriculture Academy. The research is based on the evaluation of the factors affecting the decision to participate in the subject in the physical education module such as: Facilities, assessments from students who have participated in the subject, Teacher... Research results are the basis for proposing solutions to improve the quality of athletic in the course of general education in Vietnam Agriculture Academy.

**Keywords:** Self-selected subject, athletic, physical education, Vietnam Agriculture academy.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với sứ mệnh là trường trọng điểm quốc gia, HVNN Việt Nam không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học... góp phần cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những năm qua cùng với việc đào tạo chuyên môn Học viện luôn chú trọng đến công tác GDTC và phong trào TDTT nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện cho SV.

Hiện nay, trong chương trình học tập GDTC tại HVNN Việt Nam, SV phải hoàn thành 01 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn, trong tổng số 03 học phần



(Ảnh minh họa)

môn học GDTC. Trong quá trình thống kê và quan sát thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy SV đăng ký học phần tự chọn điền kinh qua các học kỳ có số lượng nhiều, tham gia học tập trên lớp đông hơn so với các môn học tự chọn khác.

Xuất phát từ vấn đề trên chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng đăng ký môn học tự chọn Điền kinh, thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập môn học GDTC của SV HVNN Việt Nam, để tìm hiểu các lý do SV tham gia môn học đông, từ đó là cơ sở để chuẩn bị, phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy môn tự chọn các môn thể thao khác nói riêng, cũng như tự chọn Điền kinh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, phương pháp quan sát sư phạm, phỏng vấn và toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC tại HVNN Việt Nam

Theo thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 15

tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình dành cho môn học GDTC tại các cơ sở giáo dục Đại học và cao đẳng, SV bắt buộc phải tham gia học tập môn học GDTC tối thiểu là 03 tín chỉ. Trên cơ sở đó, HVNN Việt Nam xây dựng chương trình môn học GDTC cho SV là 03 tín chỉ như trình bày tại bảng 1.

Như vậy, căn cứ theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như chương trình cụ thể của bộ môn GDTC, HVNN Việt Nam được xây dựng phù hợp với yêu cầu chung. Bên cạnh đó, chương trình giảng dạy

của môn học GDTC tại HVNN Việt Nam cũng xây dựng linh hoạt dựa trên các nhu cầu, sở thích của SV theo các giai đoạn khác nhau.

## 2.2. Thực trạng SV đăng ký môn học tự chọn tại HVNN Việt Nam

Tiến hành đánh giá thực trạng SV đăng ký môn học tự chọn tại HVNN Việt Nam. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Thống kê qua các năm học tại Bộ môn GDTC-HVNN Việt Nam

**Bảng 1. Chương trình GDTC cho SV HVNN Việt Nam**

| TT         | Nội dung                                                                | Tổng số tiết | Học theo tín chỉ |            |            |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|------------|------------|
|            |                                                                         |              | I                | II         | III        |
| <b>I</b>   | <b>Môn bắt buộc</b>                                                     | <b>30</b>    |                  |            |            |
| 1          | Lý thuyết GDTC đại cương                                                |              | 30               |            |            |
| <b>II</b>  | <b>Các môn thể thao tự chọn:</b>                                        | <b>60</b>    |                  |            |            |
| 1          | Bóng đá                                                                 | 30           |                  | 30         | 30         |
| 2          | Bóng chuyền                                                             | 30           |                  | 30         | 30         |
| 3          | Bóng rổ                                                                 | 30           |                  | 30         | 30         |
| 4          | Cầu lông                                                                | 30           |                  | 30         | 30         |
| <b>5</b>   | <b>Điền kinh</b>                                                        | <b>30</b>    |                  | <b>30</b>  | <b>30</b>  |
| 6          | Khiêu vũ thể thao                                                       | 30           |                  | 30         | 30         |
| 7          | Thể dục Aerobic                                                         | 30           |                  | 30         | 30         |
| 8          | Cờ vua                                                                  | 30           |                  | 30         | 30         |
| <b>III</b> | Ngoại khoá:<br>Bóng đá; cầu lông; bóng chuyền; bóng rổ; võ; bóng bàn... | <b>220</b>   | <b>75</b>        | <b>75</b>  | <b>70</b>  |
| <b>Σ</b>   | <b>TỔNG</b>                                                             | <b>310</b>   | <b>105</b>       | <b>105</b> | <b>100</b> |

(Theo chương trình GDTC tại HVNN Việt Nam)

**Bảng 2. Thực trạng SV đăng ký môn học tự chọn tại HVNN Việt Nam**

| Năm học         | Số nhóm | SV đăng ký môn học điền kinh | SV đi học | Tỷ lệ (%) | Trung bình  |
|-----------------|---------|------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| HK1 (2018-2019) | 14      | 700                          | 672       | 96        | <b>96,6</b> |
| HK2 (2018-2019) | 15      | 750                          | 725       | 96,7      |             |
| HK1 (2019-2020) | 12      | 600                          | 576       | 96        |             |
| HK2 (2019-2020) | 15      | 750                          | 730       | 97,3      |             |
| HK1 (2020-2021) | 14      | 700                          | 680       | 97,1      |             |
| Năm học         | Số nhóm | SV đăng ký môn học bóng rổ   | SV đi học | Tỷ lệ (%) | Trung bình  |
| HK1 (2018-2019) | 8       | 300                          | 228       | 76        | <b>76,3</b> |
| HK2 (2018-2019) | 10      | 350                          | 235       | 67,1      |             |
| HK1 (2019-2020) | 8       | 320                          | 246       | 76,9      |             |
| HK2 (2019-2020) | 10      | 347                          | 280       | 80,7      |             |
| HK1 (2020-2021) | 8       | 325                          | 263       | 80,9      |             |
| Năm học         | Số nhóm | SV đăng ký môn học cờ vua    | SV đi học | Tỷ lệ (%) | Trung bình  |
| HK1 (2018-2019) | 10      | 380                          | 320       | 84,2      | <b>82,3</b> |
| HK2 (2018-2019) | 11      | 443                          | 342       | 77,2      |             |
| HK1 (2019-2020) | 8       | 280                          | 245       | 82,2      |             |
| HK2 (2019-2020) | 8       | 298                          | 247       | 82,8      |             |
| HK1 (2020-2021) | 8       | 300                          | 255       | 85        |             |

Qua bảng 2 cho thấy: Số lượng SV đăng ký môn học điền kinh đạt số lượng đông 50 sv/1 lớp, tỷ lệ 100% (Theo phân bổ số lượng SV/nhóm lớp thực hành của Ban Quản lý đào tạo, HVNN Việt Nam), số lượng SV tham gia học tập sau khi đăng ký trung bình đạt 96,62%. Môn học bóng rổ (76,3%) và cờ vua (82,3%) đạt tỷ lệ chưa cao.

### 2.3. Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn Điền kinh tại HVNN Việt Nam

Một trong số các nguyên nhân có vai trò quan trọng trong việc đánh giá chất lượng và kết quả giảng dạy đó là đội ngũ GV. Thông qua thống kê đội ngũ GV tại bộ môn GDTC, kết quả được trình bày tại bảng 3, 4.

Qua bảng 3, 4 cho thấy: Về số lượng GV có thể đảm nhiệm giảng dạy môn học tự chọn điền kinh là 15/18 GV môn học GDTC, đạt 83,3%. Trong đó phụ trách chính là 05 GV có chuyên môn về điền kinh. Theo bảng 2 cho thấy, số lượng SV đăng ký môn học tự chọn điền kinh bình quân qua các năm học khoảng 1400 SV. Như vậy, cứ 01 GV chỉ đảm nhiệm 280 SV/năm học (5-6 nhóm học). Đây là tỷ lệ phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Trình độ và thâm niên công tác của GV: Tất cả 18

GV tại bộ môn GDTC đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 01 GV có trình độ tiến sĩ. Như vậy, với đội ngũ GV có trình độ cao, thường xuyên tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu mới sẽ đóng góp tốt vào chất lượng giảng dạy môn học GDTC tại Học viện.

### 2.4. Thực trạng cơ sở, vật chất tập luyện của môn Điền kinh tại HVNN Việt Nam

Tiến hành đánh giá thực trạng CSVC phục vụ giảng dạy môn học tự chọn điền kinh tại HVNN Việt Nam. Kết quả trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: CSVC phục vụ môn học điền kinh cơ bản đã đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu học tập và tập luyện của SV. Đường chạy đã được trải nhựa bê tông, sạch sẽ có phân ô chạy, hố nhảy xa được xây mới và đổ đầy cát, các dụng cụ phục vụ cho giảng dạy đầy đủ cho 02 nhóm lớp cùng học trong một ca học. Ngoài ra, tại 02 đầu sân bóng đá nhân tạo có khu đất trống có thể phục vụ cho SV có khoảng không thoáng mát, sạch sẽ để chạy bổ trợ và bổ trợ giậm nhảy trong nhảy xa...

### 2.5. Nguyên nhân và động cơ tham gia môn học tự chọn Điền kinh tại HVNN Việt Nam

Tìm hiểu nguyên nhân và động cơ tham gia môn học

**Bảng 3. Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn Điền kinh tại HVNN Việt Nam**

| Trình độ GV                                 | Số lượng  | Chuyên môn giảng dạy | Tỷ lệ (%)   |
|---------------------------------------------|-----------|----------------------|-------------|
| Tiến sĩ                                     | 01        | Điền kinh            | 5,5         |
| Thạc sĩ                                     | 04        | Điền kinh            | 22,2        |
| GV có đủ tiêu chuẩn giảng dạy môn điền kinh | 10        | Chuyên môn khác      | 55,6        |
| GV không tham gia giảng dạy môn điền kinh   | 03        | Chuyên môn khác      | 16,7        |
| Cử nhân, cao đẳng                           | 0         | 0                    | 0           |
| <b>Tổng</b>                                 | <b>18</b> |                      | <b>100%</b> |

**Bảng 4. Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn GDTC tại HVNN Việt Nam**

| TT          | Giới tính | Kết quả thống kê |            |                     |           |                     |          |          |
|-------------|-----------|------------------|------------|---------------------|-----------|---------------------|----------|----------|
|             |           | Tổng số          | Tỷ lệ %    | Thâm niên bình quân |           | Trình độ chuyên môn |          |          |
|             |           |                  |            | <5 năm              | >5 năm    | Trên ĐH             | ĐH       | Dưới ĐH  |
| 1           | Nam       | 15               | 83,3       | 02                  | 13        | 15                  | 0        | 0        |
| 2           | Nữ        | 03               | 16,7       | 0                   | 03        | 03                  | 0        | 0        |
| <b>Tổng</b> |           | <b>18</b>        | <b>100</b> | <b>02</b>           | <b>16</b> | <b>18</b>           | <b>0</b> | <b>0</b> |

**Bảng 5. Thực trạng cơ sở, vật chất tập luyện của môn Điền kinh tại HVNN Việt Nam**

| Nội dung                                   | Số lượng (cái, bộ) | Chất liệu    | Chất lượng |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------|------------|
| Đường chạy 100m                            | 08                 | Nhựa bê tông | Khá        |
| Hố nhảy xa                                 | 04                 | Hố cát       | Tốt        |
| Đồng hồ bấm giây                           | 08                 | Điện tử      | Tốt        |
| Bàn đạp                                    | 08                 | Sắt          | Khá        |
| Cờ lệnh                                    | 04                 | Nhựa, vải    | Khá        |
| Dụng cụ phát lệnh (còi)                    | 08                 | Nhựa         | Tốt        |
| Cuốc, xẻng, chang cát, phích cắm, thước đo | 04                 | Tổng hợp     | Tốt        |

**Bảng 6. Nguyên nhân và động cơ tham gia môn học tự chọn Điền kinh tại HVNN Việt Nam (n=200)**

| TT | Nguyên nhân và động cơ                                                                    | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| 1  | Cơ sở vật chất đầy đủ                                                                     | 170      | 85        |
| 2  | Ảnh hưởng của bạn bè và gia đình                                                          | 30       | 15        |
| 3  | Ảnh hưởng của truyền thông                                                                | 45       | 22,5      |
| 4  | Sự hấp dẫn của môn học                                                                    | 145      | 72,5      |
| 5  | Nhu cầu học tập cá nhân                                                                   | 160      | 80        |
| 6  | Nội dung môn học phù hợp với bản thân                                                     | 150      | 75        |
| 7  | Nội dung học phần có tác dụng giúp phát triển thể lực cho người học                       | 179      | 89,5      |
| 8  | GV công bằng trong kiểm tra đánh giá quá trình học tập (chuyên cần, giữa kỳ, thi cuối kỳ) | 180      | 90        |
| 9  | GV quan tâm đến giáo dục ý thức kỷ luật cho người học                                     | 185      | 92,5      |
| 10 | GV lên lớp đúng giờ                                                                       | 200      | 100       |
| 11 | GV lên lớp đủ số giờ quy định                                                             | 195      | 97,5      |
| 12 | GV giới thiệu rõ nội dung ngay từ đầu học phần                                            | 197      | 98,5      |
| 13 | GV thị phạm, làm mẫu chuẩn mực                                                            | 197      | 98,5      |
| 14 | GV khuyến khích người học tích cực luyện tập                                              | 177      | 88,5      |
| 15 | GV nhiệt tình, tạo được sự hứng thú cho người học                                         | 180      | 90        |

**Bảng 7. Đánh giá chung về nội dung chương trình, các hoạt động giảng dạy và cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ học tập và rèn luyện môn học GDTC**

| TT                     | Nội dung đánh giá                                                      | Điểm TB     |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1                      | Mức độ hài lòng chung về nội dung học phần điền kinh                   | 4,09        |
| 2                      | Mức độ hài lòng chung về công tác giảng dạy của GV                     | 4,50        |
| 3                      | Mức độ hài lòng chung về cơ sở vật chất phục vụ cho học phần điền kinh | 3,99        |
| <b>Điểm trung bình</b> |                                                                        | <b>4,19</b> |

tự chọn Điền kinh tại HVNN Việt Nam. Kết quả trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy: Các yếu tố ảnh hưởng đến nguyên nhân và động cơ tham gia môn học điền kinh đến từ nhiều góc độ khác nhau, trong đó yếu tố từ người GV được SV đánh giá rất cao chiếm tỷ lệ từ 88,5-100% và yếu tố từ CSVC là 85%.

Đánh giá từ góc độ người học môn học tự chọn điền kinh với thang điểm ưu tiên: Cao: 4-5 điểm; Trung bình: 3 điểm; Thấp: 1-2 điểm. Kết quả được trình bày tại bảng 7

Qua bảng 7 cho thấy: Kết quả đánh giá của SV về mức độ hài lòng chung về nội dung học phần điền kinh, công tác giảng dạy và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy,

với điểm số trung bình là 4,19.

### 3. KẾT LUẬN

- SV có nhận thức đầy đủ về môn học tự chọn điền kinh, hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học đối với sức khỏe bản thân, họ hài lòng về nội dung học phần môn học.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến nguyên nhân và động cơ tham gia môn học điền kinh đến từ nhiều góc độ khác nhau, trong đó yếu tố từ người GV được SV đánh giá rất cao chiếm tỷ lệ từ 88,5-100% và yếu tố từ CSVC là 85%.

- SV hài lòng chung về nội dung học phần điền kinh, công tác giảng dạy và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). “Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học”.
2. Hoàng Đình Hâm (2018) “Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và mức độ tham gia học các nội dung tự chọn môn học GDTC của SV trường Đại học Thăng Long”.(J)Tr52-54.
3. Trần Quốc Hùng, Đậu Anh Tuấn (2018). “Đề xuất giải pháp nâng cao sự hài lòng của SV đối với môn học GDTC tại trường đại học Đà Lạt qua 2 yếu tố GV và cơ sở vật chất”.(J) Tr38-41.

Nguồn bài báo: Báo cáo tại hội thảo chuyên môn cấp Học viện của Thạc sĩ Lê Trọng Động, Bộ môn GDTC, Trung tâm GDTC&TT tháng 11/2020.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 4/9/2020; ngày phản biện đánh giá: 8/12/2020; ngày chấp nhận đăng: 12/1/2021)